BÀI TẬP THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH

I. Add the "-ing". (Thêm đuôi –ing cho các động từ sau).

1. work: _____
2. play: _____
3. reply: _____
4. hope: _____
5. make: _____
6. lie: _____
7. go: _____
8. show: _____
9. drive: _____
10. shop: _____

II. Complete the sentences. (Hoàn thành những câu dưới đây – Sử dụng thì hiện tại tiếp diễn)

1. It (get) _____ dark. Shall I turn on the light?

2. Linh (stay) _____ at home today.

3. Minh and Nam (cycle) _____ now.

4. He (not watch) _____ TV.

5. I (read) _____ an interesting book. (interesting book: cuốn sách thú vị).

6. The cat (play) _____ with the ball.

7. The cat (chase) _____ the mouse. (chase: đuổi theo)

LIVEWORKSHEETS

8. The students (not tobe) _____ in class at present.

III. Sử dụng những kiến thức đã học về thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn để chia động từ trong ngoặc sau.

Hướng dẫn: Em sẽ phải đọc qua để nắm được nghĩa của các câu và suy nghĩ xem câu đó cần chia động từ theo cấu trúc của thì hiện tại đơn hay thì hiện tại tiếp diễn.

Ví dụ:

1. She _____ (go) to school at 7 o'clock every morning.

Ta đọc qua và thấy câu này có nghĩa là "Cô ấy đi tới trường vào 7 giờ mỗi sáng". Vậy đây là một thói quen lặp đi lặp lại. Vậy câu này ta sẽ chia động từ ở thì hiện tại đơn. Đối với chủ ngữ số ít "She" ta sẽ thêm "es" vào động từ go

➔ **She goes to school at 7 o'clock every morning.**

2. Look! The baby_____ (cry).

Ta đọc qua và thấy câu này có nghĩa là "Nhìn kìa! Em bé ....khóc". Ta biết được câu này được nói ra ngay lúc đó, và ngay lúc đó chắc chắn em bé đang khóc. Vậy là một hành động diễn ra ngay lúc nói. Vì thế ta sẽ chia động từ "cry" ở thì hiện tại tiếp diễn. "The baby" là chủ ngữ số ít nên ta dùng động từ tobe là "is"

➔ **Look! The baby is crying.**

3. He ……..……(play) tenis every Wednesday.

4. I…….……..(carry) a heavy bag.

5. He …….(watch) TV every morning.

6. You ……..….. (tobe) my best friend.

7. The baby ……..…(crawl) on the floor now.

8. She ……..……. (tobe) a beautiful girl.

9. Shipper: Are you staying at home?

You: Sorry! I am not staying at home. I ……..(walk) in the park.

10. I ……..…….. (play) tenis very well.

11. We ……(study) English now.

LIVEWORKSHEETS

12. I ……..…..(like) pizza.

Bài tập Thì hiện tại tiếp diễn (tiếp)

Exercise 1. Hãy viết dạng V-ing của các động từ sau

0. look	
1. take	
2. agree	
3. run	
4. drive	
5. teach	
6. buy	
7. open	
8. play	
9. win	

Exercise 2. Chia động từ trong ngoặc.

Ex: Listen! It ***is raining*** (rain) heavily outside.

1. She's tired. She _____(want) to go home now.

2.John_____ (plant) the trees in the garden at the moment?

3. What you _____ (do) now ?

4. Listen! Someone _____ (knock) on the door.

LIVEWORKSHEETS

5. He _____ (write) a book at present.

6. .They _____ (watch) T.V at present? – No. They _____ (listen) to the radio

7. He and I _____ (play) volleyball at the moment.

8. John and I_____ (be) busy at the moment.

10. We _____(want) to go to school at the moment.

Exercise 3. Chia động từ trong ngoặc

Ex: Now I (write) am writing a dictation.

1. Sit down! A strange dog (run)_____ to you.

2. My brothers (not/ drink)_____ wine at the moment.

3. Look! Those people (climb)_____ the mountain so fast.

4. Mary (cry)_____ loudly in the party now.

5. What (you/ do)_____ in the bathroom?

6. Tonight we (not/ go)_____ to our friend's wedding party.

7. Where are you? We (wait)_____ for you!

8. What are the boys (do)_____ now?

9. My mother (not listen)_____ to the radio at present.

10. My parents (drive)_____ to work now.

Exercise 4. Chia động từ.

Ex: She is always (forget) forgetting to turn off the light.

1. Mary always _____ (remember) my birthday.

2. Mr John _____ (work) in a supermarket.

3. I _____ (work) in this company until I find a better job.

LIVEWORKSHEETS

4. Look! It _____ (snow).

5. Can you hear those girls? What _____ (they/talk) about?

6. _____ (you/know) Linna?

7. We _____ (never/go) to work by bus. It is too busy.

8. When I'm in Paris I _____ (usually/stay) in the Hotel du Pont, but this time I _____ (stay) in the more expensive Hotel Notre Dame.

9. Linh _____ (be) a vegetarian. She _____ (not/eat) meat or fish.

10. My father _____ (be) an engineer, but he _____ (not/work) right now.

Exercise 5. Chia động từ

Ex: Now I (write) am writing an essay.

1. The sun _____ (set) in the West.

2. It usually _____ (rain) in the summer.

3. They _____ (build) the buildings at the moment.

4. Bees _____ (make) honey.

5. They _____ (get) on the scale now.

6. The earth _____ (circle) the Sun once every 365 days.

7. Rivers usually _____ (flow) to the sea.

8. Hurry up! The bus _____ (come)

9. Look! John _____ (play) the guitar.

10. I _____ (not talk) to Mary at present.

LIVEWORKSHEETS

Exercise 6. Chia động từ

Ex: Linh and I_____ (buy) are buying some books at the moment.

1. Linh and Lan _____ (read) in the library at the moment.

2. We _____ (not come) here tomorrow morning.

3. Listen ! Mary _____ (play) .the piano.

4. John _____ (go) to the English club every Monday.

5. What you _____ (do) now?

6 . Students often _____ (go) to the school cafeteria at lunch time.

7. You can _____ (find) this book on the racks in the middle.

8. Look! The teacher _____ (come) here.

9. He _____ (study) maps in Geography.

10. John can _____ (fix) the lights now.

LIVEWORKSHEETS